

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 342 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Cấp nước sạch an toàn và vệ sinh nông thôn là nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ sức khỏe, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, đảm bảo an ninh nguồn nước, phát triển kinh tế xã hội bền vững.

2. Hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn phải thực hiện theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng. Đẩy mạnh xã hội hóa cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, thu hút mọi nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình, đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững.

3. Phát triển hạ tầng cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn phù hợp với văn hóa, tập quán, điều kiện cụ thể từng vùng, đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của ngành, lĩnh vực khác, đảm bảo an toàn, bền vững trước tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng thể

- Đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

- Bảo đảm sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu

hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, góp phần xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Phần đầu 98% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 100 lít/người/ngày.

- Phần đầu có 100% hộ dân nông thôn, trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định; 100% người dân nông thôn thực hiện tốt vệ sinh hộ gia đình.

- Phần đầu 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý; 75% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

b) Đến năm 2045

Phần đầu 100% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững; 50% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 30% nước thải sinh hoạt được xử lý; 100% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về cấp nước sạch nông thôn

a) Cấp nước sạch tập trung

(*) Đầu tư công trình cấp nước

- Huy động, lồng ghép các nguồn vốn Trung ương và địa phương; vốn tài trợ, vốn vay của các tổ chức quốc tế và các nguồn vốn khác tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu, có công suất từ 3.000 - 8.000 m³/ngày nằm kế cận các công trình thủy lợi có quy mô lớn hoặc sông lớn như hồ Sông Cái, Đập dâng Tân Mỹ, hồ Sông Sắt, hồ Sông Than, hồ Sông Trâu, hồ Tân Giang, sông Cái, sông Dinh ... đảm bảo có nguồn nước thô ổn định trong mùa khô hạn cho các nhà máy nước vận hành thường xuyên, liên tục, tránh bị gián đoạn, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện công tác bảo đảm an toàn về chất lượng nguồn nước thô cấp cho các nhà máy nước và mục tiêu an toàn nguồn nước và kế hoạch cấp nước an toàn. Đồng thời nối mạng hệ thống tuyến ống phân phối cấp nước giữa các công trình cấp nước để bổ sung, hỗ trợ cung cấp nước cho người dân trên địa bàn liên xã, liên huyện và duy trì bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nhà nước ưu tiên đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung cho vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực bãi ngang, ven biển.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào công trình cấp nước sạch nông thôn; chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn lắp đặt thủy kế.

(*) Quản lý bền vững công trình cấp nước

- Đầu tư trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác theo dõi, giám sát chất lượng nước thường xuyên tại các công trình cấp nước đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật; áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 đối với lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt nông thôn.

- Giá thành nước sạch phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối nước sạch, thuế và lợi nhuận theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Ủy ban nhân dân các địa phương và đơn vị cấp nước phối hợp thực hiện công tác thông tin - truyền thông - vận động các hộ gia đình lắp đặt tuyến ống phân phối, ống nhánh và thủy kế sử dụng nước sạch để phát huy hiệu quả đầu tư công trình cấp nước, tăng nhanh số lượng hộ dân được sử dụng nước sạch.

(*) Ứng dụng khoa học công nghệ

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ sản xuất, xử lý nước tiên tiến giá thành phù hợp (lắng, rửa lọc tự động; chuyển dần sử dụng công nghệ khử trùng bằng nước Javel thay cho Clo khí để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo an toàn trong sản xuất, ...), đảm bảo chất lượng nước đầu ra đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước ăn uống và có thể đầu tư nâng cấp công suất cụm xử lý nước theo phương thức module để giảm chi phí sản xuất nước, tránh lãng phí, nâng cao hiệu quả.

- Nghiên cứu ứng dụng thí điểm và nhân rộng mô hình lọc nước biển thành nước ngọt để cấp nước sinh hoạt cho người dân và các tổ chức kinh tế, du lịch trên địa bàn huyện ven biển.

- Đầu tư và ứng dụng có hiệu quả các tiện ích về công nghệ thông tin trong công tác quản lý vận hành công trình cấp nước; nhất là các Chương trình WebGis, Quản lý khách hàng, hóa đơn điện tử, ghi thu đồng thời, ...đảm bảo cho việc trao đổi thông tin và từng bước áp dụng công nghệ tự động giúp cho công tác quản lý điều hành nhanh chóng, thông suốt mọi lúc, mọi nơi.

(*) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Đào tạo, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý vận hành công trình cấp nước có quy mô công suất lớn tương đương với nhà máy nước đô thị, địa bàn phục vụ nối mạng tuyến ống cấp nước liên xã, liên huyện.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên môn, kỹ năng mềm; tổ chức các lớp tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm, hội thảo; khuyến khích người lao động tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

(*) Chống thất thoát, thất thu nước sạch

- Hạn chế các trường hợp sử dụng loại ống cấp nước bằng uPVC, chuyển sang sử dụng rộng rãi loại ống HDPE để hạn chế tình trạng ống bị xì, bể trong quá trình thi công và vận hành khai thác công trình cấp nước sau đầu tư.

- Đầu tư các tuyến ống chuyên tải độc lập với mạng tuyến ống phân phối với việc sử dụng các loại thủy kế và phụ kiện có chất lượng tốt; tăng cường kiểm tra, giám sát kỹ thuật thi công hàn nối, lắp đặt tuyến ống các loại và công tác lắp đặt thủy kế cho khách hàng.

- Giám sát hệ thống các tuyến ống cấp nước bằng phần mềm GIS, đi đôi với triển khai thực hiện công tác phân vùng tách mạng sử dụng phần mềm kiểm soát áp lực, phát hiện, khoanh vùng có khả năng xảy ra sự cố xì, bể đường ống, hạn chế thất thoát nước và thay thế các tuyến ống cũ, hỏng; đầu tư trang thiết bị và nhân lực thực hiện công tác giảm thất thoát nước sạch và phấn đấu đạt mục tiêu theo Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025.

b) Cấp nước an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Xây dựng và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn ứng phó thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; khắc phục thiếu nước sinh hoạt do ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt và đảm bảo duy trì tối thiểu nguồn nước sinh hoạt trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước, nhất là ưu tiên nguồn nước thô cho hoạt động các công trình cấp nước khi hạn hán xảy ra; chia sẻ thông tin liên quan đến nguồn nước giữa các ngành, địa phương, các đơn vị cấp nước để phục vụ công tác cấp nước, quản lý, bảo vệ an toàn nguồn nước.

- Nâng cao năng lực thử nghiệm chất lượng nước cho các đơn vị cấp nước, đầu tư xây dựng Phòng thử nghiệm và các trang thiết bị thử nghiệm hiện đại phục vụ công tác nội, ngoại kiểm chất lượng nước theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

c) Cấp nước quy mô hộ gia đình

Thực hiện các giải pháp cấp nước quy mô hộ gia đình đối với những vùng gặp khó khăn trong đầu tư công trình cấp nước hoặc đầu tư công trình cấp nước không hiệu quả, vùng dân cư phân tán, trong đó tập trung:

- Xây dựng bể chứa nước mưa và các hình thức trữ nước khác phù hợp đặc thù khu vực đảm bảo nhu cầu cấp nước sinh hoạt.

- Nhân rộng mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình; hỗ trợ bồn chứa và dự trữ phân phối nước sinh hoạt cụm dân cư trong trường hợp khẩn cấp do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

- Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước quy mô hộ gia đình; sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình.

2. Về vệ sinh nông thôn

a) Vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng

- Triển khai, nhân rộng các phong trào có chuyển biến tích cực, thay đổi nhận thức về thực hiện vệ sinh ở khu vực công cộng, ở hộ gia đình; tuyên truyền đến người dân nông thôn hướng tới tiếp tục thực hiện tốt và bảo vệ vệ sinh môi trường trong khu dân cư; tăng tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Ứng dụng và phổ biến các giải pháp công nghệ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý và sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tiếp cận đồng bộ dịch vụ vệ sinh an toàn gắn với truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường.

b) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Thí điểm áp dụng các mô hình công nghệ thu gom và xử lý nước thải chi phí thấp, hạn chế hóa chất, sử dụng năng lượng tái tạo, ít phát sinh chất thứ cấp phù hợp với đặc điểm và quy mô khu dân cư nông thôn tập trung.

- Huy động các nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

c) Xử lý chất thải chăn nuôi

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích áp dụng các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường.

- Quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ người dân xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và xử lý chất thải chăn nuôi.

- Xây dựng lộ trình và giải pháp từng bước đưa chăn nuôi gia súc, gia cầm vào các khu chăn nuôi tập trung.

3. Về giám sát đánh giá

- Cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường hằng năm.

- Tăng cường giám sát chất lượng nước đảm bảo theo quy chuẩn.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Ngân sách trung ương, vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vốn vay của các tổ chức quốc tế, ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp các Sở, ngành và địa phương liên quan:

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Kế hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn theo phân cấp quản lý.

+ Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí phân vốn đầu tư phát triển Trung ương hỗ trợ hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sau khi Nghị quyết Hội đồng Nhân dân tỉnh thông qua.

- Chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và cơ quan liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ cấp nước và vệ sinh nông thôn; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn; đề xuất danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng kết nối công trình cấp nước tập trung liên xã, liên huyện; sử dụng nguồn nước từ các hồ chứa nước để đảm bảo chủ động nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân, nhất là vùng khô hạn.

- Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện:

+ Xây dựng và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện tình hình dân sinh trên địa bàn tỉnh.

+ Tham mưu chính sách hỗ trợ về giá nước sạch cho các đối tượng ưu tiên: Đối tượng huyện, xã miền núi, đặc biệt khó khăn, bãi ngang được phê duyệt theo quy định hiện hành; hộ nghèo và đối tượng chính sách như: Mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, gia đình liệt sĩ đang hưởng tuất, thương binh loại 1 và loại 2...

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về Đầu tư công.

3. Sở Xây dựng

Phối hợp các Sở và địa phương liên quan:

- Hoàn chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó có Phương hướng bố trí phát triển hệ thống đô thị - nông thôn tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để các cơ quan, đơn vị liên quan có cơ sở triển khai thực hiện.

- Thẩm định, phê duyệt về quản lý chuyên ngành trong công tác đầu tư xây dựng công trình cấp nước đúng quy định và phát huy hiệu quả đầu tư.

4. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan cấp giấy phép thi công tuyến ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các

tuyến đường do Sở Giao thông vận tải quản lý đảm bảo phù hợp với quy hoạch hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh và phát huy hiệu quả đầu tư.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí đầu tư công trình cấp nước và vệ sinh theo quy định.

- Phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành, trong đó quy định cụ thể chế tài xử lý, trách nhiệm các cấp, các ngành, chủ đầu tư, chủ quản lý, khai thác vận hành công trình.

- Trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, thực hiện công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình cấp nước hoàn thành theo quy định.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước, việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ nguồn nước, xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các quy định trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

7. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ vệ sinh hộ gia đình, cá nhân; cấp nước và vệ sinh trạm y tế.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn (*áp dụng cho công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình*).

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ cấp nước và vệ sinh trường học.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao ý thức học sinh về sử dụng nước sạch, bảo vệ môi trường vào Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường hàng năm và các Chương trình, dự án có liên quan.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương, nhất là các địa phương có khu du lịch, tổ chức các hoạt động tuyên truyền đảm bảo vệ sinh môi trường bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực vào Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Ngày Môi trường Thế giới hàng năm và các Chương trình, dự án có liên quan.

10. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương đề xuất các chính sách liên quan cấp nước và vệ sinh môi trường vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là tại khu vực xã, thôn bản khó khăn theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

11. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh

Phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các danh mục dự án đầu tư công trình cấp nước được giao làm chủ đầu tư và bàn giao cho đơn vị quản lý khai thác sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

12. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

Phối hợp với đơn vị, địa phương triển khai cho các hộ gia đình có nhu cầu vay vốn ưu đãi để thực hiện các công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn; tổng hợp nhu cầu, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính đề xuất nhu cầu nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

13. Điện lực Ninh Thuận và Chi nhánh điện lực các huyện, thị, thành phố

Đưa các công trình cấp nước tập trung nông thôn vào diện cung cấp điện ưu tiên, nhất là trong các tháng mùa khô và các đợt cao điểm lễ, Tết; hàng năm xây dựng Kế hoạch nâng công suất các trạm biến áp và có biện pháp khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo cung cấp nguồn điện thường xuyên, ổn định phục vụ công tác vận hành các nhà máy nước, hạn chế thấp nhất tình trạng mất điện dẫn đến việc ngưng cung cấp nước trên diện rộng ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

14. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

Đề nghị lồng ghép vào nội dung chương trình công tác của hội, đoàn thể các hoạt động truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên nâng cao ý thức sử dụng nước sạch trong sinh hoạt cũng như trong việc bảo vệ cơ sở vật chất các công trình cấp nước; bảo vệ an toàn, không gây ô nhiễm các nguồn nước sử dụng cho các công trình cấp nước tập trung để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn theo quy định hiện hành.

15. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Báo Ninh Thuận và Đài Phát thanh các huyện, thị, thành phố

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về sử dụng, bảo quản nguồn nước sạch và công trình cấp nước để nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ công trình cấp nước tập trung.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp các Sở, ngành và đơn vị cấp nước thực hiện mục tiêu cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn quản lý; nhất là hỗ trợ công tác thu hồi và bàn giao đất đầu tư xây dựng công trình cấp nước, xử lý chất thải, nước thải nông thôn.

- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường hàng năm trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo Ban quản lý công trình công cộng huyện, thành phố triển khai thực hiện nhiệm vụ cấp nước và vệ sinh nông thôn góp phần đạt mục tiêu cấp nước và vệ sinh nông thôn.

17. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh

- Hàng năm, chủ trì phối hợp các địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh; tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố số liệu Bộ chỉ số; theo dõi, giám sát đánh giá chất lượng nước các công trình cấp nước do đơn vị quản lý và công trình cấp nước nhỏ lẻ theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đề xuất và triển khai thực hiện đầu tư, nâng cấp mở rộng công trình cấp nước được giao làm chủ đầu tư; nhất là các khu vực khó khăn về nguồn nước sinh hoạt.

- Quản lý, vận hành công trình cấp nước cung cấp nước sinh hoạt cho người dân đảm bảo chất lượng nước phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

18. Các đơn vị cấp nước và vệ sinh nông thôn

Quản lý, vận hành công trình cấp nước và công trình vệ sinh nông thôn cung cấp nước sinh hoạt và xử lý nước thải, chất thải góp phần đạt mục tiêu cấp nước và vệ sinh nông thôn.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.